

Bản án số: 30/2020/HSST

Ngày 08/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Đăng.

2. Bà Hoa Thị Vân.

-Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/TLST- HS, ngày 14 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/QĐXXST- HS ngày 24/8/2020 đối với bị cáo:

Tráng A K (tên gọi khác: Không) sinh năm 1975 (không xác định được ngày, tháng sinh), sinh tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: H. Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Tráng A C (đã chết) và bà Vàng Thị S (đã chết).

Vợ: Hầu Thị S - năm sinh 1975.

Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2020. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hương T Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Khoảng 18 giờ ngày 12/7/2020, Tráng A K điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX, biển kiểm soát 24B2 - 413.31 đi từ nhà tại thôn N, xã Y, huyện B xuống xã D để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến thôn N, xã D, huyện B, Tráng A K gặp một người phụ nữ không quen biết đang đứng ở ven đường, người phụ nữ này hỏi Tráng A K “có mua thuốc (tức Hêrôin) không?”, Tráng A K nói “Có” và lấy 1.000.000 (một triệu) đồng đưa cho người phụ nữ này. Người phụ nữ này nhận tiền và lấy từ trong người ra 01 (một) gói nilon màu hồng, bên trong có 02 (hai) gói ma túy được gói bằng nilon màu hồng, Tráng A K nhận gói ma túy rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi đến thôn T, xã Y, huyện B, Tráng A K bị tổ công tác Đoàn biên phòng Y phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trong túi áo bên trái Tráng A K đang mặc 01 (một) gói nilon màu hồng, bên trong chứa 02 (hai) gói nilon màu hồng, trong các gói này đều chứa chất bột khô màu trắng, vón cục, ngoài ra còn thu giữ của Tráng A K 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 24B2 - 413.31, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 01 (một) túi vải màu đen, tiền Việt Nam: 133.000 (*một trăm ba mươi ba nghìn đồng*)

Ngày 12/7/2020, Đoàn biên phòng Y đã ra quyết định trưng cầu giám định về ma túy đối với vật chứng thu giữ của Tráng A K ngày 12/7/2020.

Kết luận giám định về ma túy số 152/GĐMT ngày 13/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lào Cai kết luận: 4,04 (bốn phẩy không bốn) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Tráng A K gửi đến giám định là loại chất ma túy Heroine (Hêrôin)

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Tráng A K ngày 12/7/2020 tại thôn N, xã D, huyện B, do Tráng A K không biết tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

Về vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án: Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 24B2 – 413.31, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu vàng đen và 01 (một) túi vải màu đen. Quá trình điều tra xác định không phải là vật chứng của vụ án, nên đã trả cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Số tiền 133.000 (*một trăm ba mươi ba nghìn*) đồng đã được niêm phong và tạm giữ tại Kho bạc nhà nước huyện B.

Đối với 3,68 (ba phẩy sáu mươi tám) gam Hêrôin còn lại sau trích mẫu giám định, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố bị cáo Tráng A K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Tráng A K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tráng A K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 3,68 gam Hê rô in được tái niêm phong trong bì thư. Tạm giữ số tiền 133.000 (*một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) của bị cáo Tráng A K để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Tráng A K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Tráng A K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tráng A K 02 năm 09 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tráng A K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và đúng với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ căn cứ kết luận, bị cáo Tráng A K là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự mua 4,04 gam Hê rô in cất giấu với mục đích để sử dụng đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Tráng A K đã thực hiện là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy. Gây mất trật tự, trị an ở

địa phương, làm lan tràn tệ nạn nghiện ma túy, ảnh hưởng đến sức khỏe, suy thoái giống nòi, là mầm mống dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác. Để giữ nghiêm kỷ cương pháp luật, góp phần đẩy lùi và loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Cần phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật và quyết định mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tráng A K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo.

Về mức hình phạt chính: bị cáo Tráng A K tàng trữ 4,04 gam Hê rô in, được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, còn mức hình phạt đối với bị cáo K, do người bào chữa cho bị cáo đề nghị là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, nên không được chấp nhận.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo K là người nghiện ma túy, tàng trữ ma túy để sử dụng, không có lợi nhuận, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng gồm: 4,04 gam Hê rô in thu giữ của bị cáo, trích mẫu 0,36 gam giám định không hoàn lại, còn 3,68 gam Hê rô in được tái niêm phong trong bì thư là vật cầm tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 133.000 (*một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo K, không liên quan đến vụ án, nhưng cần tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, người bào chữa không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo Tráng A K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a,c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tráng A K phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Tráng A K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 12/7/2020.

3. Xử lý vật chứng :

- Tịch thu tiêu huỷ : 3,68 (ba phẩy sáu mươi tám) gam Hêrôin cùng các mảnh nilon màu hồng và bì niêm phong ban đầu gửi giám định, được tái niêm phong trong bì thư, trên một mặt bì thư có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Tráng A K ngày 12 tháng 7 năm 2020, tại thôn T, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai”. Tại các mép dán của bì thư có chữ ký của hai bên giao nhận, 01 điểm chỉ có ghi ngón trỏ phải của Tráng A K và 02 hình dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai.

- Tạm giữ số tiền 133.000 (*một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) của bị cáo Tráng A K để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Tráng A K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*)

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đăng

Hoa Thị Vân

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSDT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dong Đinh Thị Hạnh

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

- Lưu HS-THS-THAHS (5);

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Tân A Liền

Trần Thị Trúc

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

